

bà Lý **TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 13/2021/DS - PT

Ngày: 19 - 8 - 2021

V/v: *Tranh chấp về thừa kế tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Thủy và ông Trần Văn San.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLPT - DS ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ - PT ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị P, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Xin xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị NH, trợ giúp Viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Đinh Văn L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn V 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Xin xử vắng mặt.

3.2. Ông Đinh Văn L1, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 22, tập thể Công ty Dịch vụ nông nghiệp L, phường Đ 2, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông L1: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Xin xử vắng mặt.

3.3. Bà Đinh Thị L2, sinh năm 1964 và ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1956. Đều cùng địa chỉ: Thôn V 2, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Đều xin xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Đinh Văn L, là bị đơn trong vụ án. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm, lời khai của nguyên đơn, ý kiến bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

1. Về hàng thừa kế các đương sự đều xác nhận: Cụ Đinh Văn Lx (tức Đinh Văn Lx) và cụ Phạm Thị S, sinh được 4 người con gồm:

- Bà Đinh Thị P - sinh năm 1953,
- Bà Đinh Thị L - sinh năm 1957,
- Ông Đinh Văn L1 - sinh năm 1959,
- Ông Đinh Văn L - sinh năm 1961.

2. Di sản thừa kế của 02 cụ để lại, các đương sự đều thừa nhận:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 33, tờ bản đồ PL17, có diện tích 957m<sup>2</sup> (trong đó đất ONT là 325m<sup>2</sup>, đất HNK là 540m<sup>2</sup>, đất LNK là 92m<sup>2</sup>), tại thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam và đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 266395 ngày 20/8/2006 cho hộ Đinh Văn Lx. Hiện nay, thửa đất này có diện tích trên thực tế chỉ còn lại 852m<sup>2</sup>, do đã bị thu hồi khi Nhà nước mở rộng Quốc lộ 1A diện tích đất LNK là 92m<sup>2</sup> và 13m<sup>2</sup> do dịch chuyển mốc giới với hộ Bà Đinh Thị L2 nhưng đã sử dụng ổn định hơn 30 năm nay, không có tranh chấp về ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất.

- Tài sản công trình vật kiến trúc trên thửa đất này có 01 nhà ngói (gồm 03 gian nhà ngoài và 01 gian buồng) xây dựng từ năm 1972 và công trình phụ khác, hiện nay ông Đinh Văn L1 (là con trai trưởng) quản lý, trong coi.

3. Thời điểm mở thừa kế: Năm 2004 cụ S chết, năm 2014 thì cụ Lx chết.

Khi còn sống, ngày 20/8/1998 cụ Lx và cụ S còn tỉnh táo, minh mẫn lập văn bản “*thuận tình phân tài sản cố định cho con giai, gái*” có nội dung như sau:

- Chia cho ông Đinh Văn L1 phần đất phía Nam giáp đường vào núi, phía Đông giáp Quốc lộ 1A có chiều dài 13,5m, phía Tây giáp ruộng nhà Bà Đinh Thị L2, phía Bắc giáp đất của ông Đinh Văn L.

- Chia cho ông Đinh Văn L giáp đất của ông L1, có cạnh phía Tây giáp ruộng nhà bà L2, phía Đông giáp Quốc lộ 1A có chiều dài 9m và 01 cái buồng.

- Chia cho Bà Đinh Thị P phần đất giáp đất của ông L, phía Nam giáp đất của ông L, phía Tây giáp ruộng nhà bà L2, phía Đông giáp đường Quốc lộ 1A có chiều dài 8,5m, phía Bắc giáp đất của bà L

- Chia cho Bà Đinh Thị L: 09 m phía Bắc giáp Lý, Đông giáp Quốc lộ 1A, phía Bắc giáp đất của bà L2. Không có nhà.

Các cây lưu niên trên đất phận mình đến đâu thì hưởng đến đấy. Muốn bán chỉ để lại cho anh em trong nhà không bán ra ngoài. Còn 03 gian nhà ngoài Linh là trưởng thờ cúng cha mẹ. Cha Đình Văn Lx *thảo* phân chia cho các con mọi sự tốt lành. Văn bản có chữ kí của cụ Lx và cụ S; không có chứng thực của chính quyền địa phương và thực tế chưa chia đất cho bất kỳ ai ở vị trí nào.

Sau khi 02 cụ mất thì không ai ở trên thửa đất này, các con của cụ thỉnh thoảng đi về trông nom, thấp hương thờ cúng. Trong quá trình sử dụng, ngôi nhà bị xuống cấp, hư hỏng thì ông L1 là người đứng ra tu sửa; năm 2019, ông L1 dự định xây dựng nhà làm nơi thờ cúng trên thửa đất này thì xảy ra tranh chấp do ông L không đồng ý và yêu cầu chia đất thừa kế theo đúng di chúc do cụ Lx và cụ S để lại. Anh, chị, em trong gia đình đã nhiều lần bàn bạc, họp gia đình, nhưng đều không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế. Mặt khác, nếu chia theo bản di chúc này thì không đảm bảo giá trị sử dụng của ngôi nhà và 04 anh chị em đều chưa hiểu rõ cách chia theo nội dung trong di chúc (chia cho ông L gian buồng thì có kèm với đất hay không) chia như thế nào.

Các đương sự xảy ra tranh chấp chia tài sản thừa kế. UBND xã H, huyện L đã tiến hành hòa giải các bên nhưng không thành.

**Nguyên đơn Bà Đình Thị P yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lx và cụ S theo pháp luật, cụ thể:**

+ Chia đều diện tích đất theo hiện trạng còn lại là 852m<sup>2</sup> cùng các tài sản trên đất cho 04 người con của cụ Lx và cụ S là ông Đình Văn L1, bà Đình Thị P, bà Đình Thị L và ông Đình Văn L. Riêng một số cây lâu năm trên thửa đất này có giá trị không lớn, nên bà không yêu cầu giải quyết; sau này cây hoa màu thuộc phần đất của ai thì người đó được hưởng không phải thanh toán giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác.

+ Đề nghị Tòa án giao phần đất hiện có ngôi nhà và các công trình trên đất cho ông L1 để ông L1 là con trai trưởng thờ cúng tổ tiên. Đối với phần đất và tài sản trên đất mà bà được hưởng khi chia thừa kế, thì bà tặng cho ông L1.

**\* Bị đơn là ông Đình Văn L trình bày:** Không nhất trí với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lx, cụ S theo pháp luật, ông không nhất trí việc chia làm 4 phần bằng nhau (chia đều) theo yêu cầu của bà P. Vì, năm 1998 cụ Lx và cụ S còn sống có *để lại di chúc phân chia tài sản* cho 04 người con, hiện ông đang quản lý bản gốc của di chúc này. Sau khi cụ Lx và cụ S chết thì tài sản vẫn nguyên trạng, ông L không tu sửa gì.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo đúng di chúc của bố mẹ để lại, cụ thể như sau:

+ Ông Đình Văn L1 được hưởng phần đất phía Nam có chiều dài theo mặt đường Quốc lộ 1A là 13,5m;

+ Ông Đình Văn L được hưởng phần đất có chiều dài theo mặt đường Quốc lộ 1A là 9m và 01 gian buồng;

+ Bà Đình Thị P được hưởng phần đất có chiều dài theo mặt đường Quốc lộ 1A là 8,5m, không có nhà;

+ Bà Đinh Thị L được hưởng phần đất có chiều dài theo mặt đường Quốc lộ 1A là 9m, không có nhà; còn 03 gian nhà ngoài làm nơi thờ cúng cha mẹ (nhà thờ).

Đối với việc diện tích đất hiện trạng bị thiếu 13m<sup>2</sup> so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện L đã cấp cho hộ cụ Lx, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng pháp luật.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:***

- Bà Đinh Thị L trình bày: Đề nghị chia đều di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ PL17, thừa kế cho 4 anh chị em. Do ông L1 là con trai trưởng, nên đề nghị Tòa án giao phần đất hiện có ngôi nhà và các công trình cho ông L1 để ông L1 thờ cúng tổ tiên. Đối với phần đất và tài sản trên đất mà bà được hưởng khi chia thừa kế, thì bà tặng cho ông L1.

- Ông Đinh Văn L1 (ủy quyền cho Bà Đinh Thị P) trình bày: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia đều diện tích đất theo hiện trạng còn lại là 852m<sup>2</sup> cùng các tài sản trên đất cho 04 người con của cụ Lx và cụ S là ông Đinh Văn L1, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn L.

Đề nghị Tòa án giao phần đất hiện có ngôi nhà cho ông L1, để ông L1 thờ cúng tổ tiên. Đối với phần đất cùng tài sản trên đất mà bà P và bà L được hưởng khi chia thừa kế, nay bà P và bà L tặng cho ông L1 thì ông nhất trí nhận. Ông L1 có trách nhiệm thanh toán trị giá chênh lệch kỹ phần thừa kế cho ông L.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc Đ và bà Đinh Thị L2 là hộ sử dụng đất liên hệ trình bày:*** vợ chồng ông sử dụng thửa đất số 27, tờ bản đồ PL17 từ năm 1985, có cạnh phía Nam giáp hộ cụ Đinh Văn Lx. Đến năm 1992, ông bà xây móng tường bao làm mốc giới; trước khi xây, ông bà và gia đình cụ Lx có thống nhất ranh giới giữa 02 nhà. Khoảng năm 2002, ông bà tiếp tục xây tường bao lên trên phần móng đã xây trước đó. Năm 2012, ông bà được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Vợ chồng ông bà sử dụng thửa đất ổn định từ năm 1985 đến nay không có tranh chấp gì về ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất. Gia đình ông bà không lấn chiếm đất của gia đình cụ Lx. Việc chồng lấn 13m<sup>2</sup> đất này là do sai sót của cán bộ đo đạc, đã đo không đúng hiện trạng sử dụng của 02 hộ. Nay ông bà đề nghị Tòa án công nhận hiện trạng thửa đất của 02 hộ vì gia đình ông bà sử dụng ổn định thửa đất 30 năm nay, không có tranh chấp gì.

- ***UBND xã H có ý kiến như sau:*** Về nguồn gốc thửa đất số 33, tờ bản đồ PL17 tại thôn Đoan Vĩ 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam: theo bản đồ năm 1986, thửa đất mang tên hộ cụ Đinh Văn Lx, cụ Lx được quyền sử dụng 325m<sup>2</sup> đất ở (ONT) tại tờ bản đồ số 9, thửa 106. Quá trình sử dụng thửa đất, hộ cụ Lx sử dụng thửa đất trên từ đó cho đến nay không có tranh chấp với ai. Năm 2004, thực hiện Thông tri 25 và Kế hoạch 566 của UBND tỉnh Hà Nam, Nhà nước tiến hành đo đạc lại hiện trạng của các hộ trên toàn thì hộ Cụ Đinh Văn Lx sử dụng đất tại phụ lục 17, thửa đất số 33, diện tích 957m<sup>2</sup>. Trong đó, đất ONT là 325m<sup>2</sup>, đất HNK là 540m<sup>2</sup> (gồm hợp pháp hóa 272m<sup>2</sup> đất nông nghiệp giá 4.000 đồng/m<sup>2</sup> và được chuyển đổi từ đất 115 là 268m<sup>2</sup>), còn 92m<sup>2</sup> đất LNK do Ủy ban quản lý. Sau đó,

UBND huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 266395, ngày 20/8/2006 cho hộ cụ Lx có diện tích 957m<sup>2</sup> (trong đó đất ONT là 325m<sup>2</sup>, đất HNK là 540m<sup>2</sup>, đất LNK do Ủy ban quản lý 92m<sup>2</sup>).

Tuy nhiên, khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Lx thì vị trí đất thổ cư 325m<sup>2</sup> nói trên nằm ở phía Tây thửa đất, không giáp với Quốc lộ 1A. Sau đó, UBND xã H đã đề nghị với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L điều chỉnh lại vị trí đất thổ cư 325m<sup>2</sup> của thửa đất số 33, tờ bản đồ PL17 tại thôn Đoan Vĩ 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam theo vị trí của bản đồ năm 1986 (đất ở nằm vị trí phía Nam thửa đất, còn đất vườn nằm vị trí phía Bắc giáp với hộ bà Đinh Thị L2). Theo như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho 02 hộ cụ Lx và bà L2 thì ranh giới giữa 02 thửa đất là đường thẳng, nhưng theo hiện trạng sử dụng thì ranh giới giữa 02 thửa đất không phải là đường thẳng, mà hộ cụ Lx bị thiếu 13m<sup>2</sup> đất, giáp với đất hộ bà L2; tuy nhiên hai hộ sử dụng ổn định 02 thửa đất này cho đến nay, không xảy ra tranh chấp gì về mốc giới, đề nghị Tòa án nhân dân huyện L giải quyết việc phân chia thừa kế theo diện tích hiện trạng của thửa đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự có tranh chấp về thừa kế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành công khai, tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L quyết định:

Căn cứ vào các điều 457, 458, 459, 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, 357, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 167, 168 và 169 của Luật Đất đai năm 2013; các điều 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị P về việc chia di sản thừa kế.

2. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần được nhận khi chia thừa kế là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về tài sản của bà Đinh Thị P và bà Đinh Thị L cho ông Đinh Văn L1.

3. Chia cho ông Đinh Văn L1 được quản lý, sử dụng 639m<sup>2</sup> đất ở phía Nam của thửa đất số 33, tờ bản đồ PL17 tại thôn Đoan Vĩ 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam, có tứ cận như sau: cạnh phía Đông giáp đất Ủy ban (từ điểm số 7 đến điểm số 12) có chiều dài là 37,42m, cạnh phía Tây giáp đất nông nghiệp (từ điểm số 8 đến điểm số 9) có chiều dài là 22,61m, cạnh phía Nam giáp đường xóm (gồm 03 đoạn, từ điểm số 9 đến điểm số 12) có tổng chiều dài là 25,33m, cạnh phía Bắc giáp đất ông L (từ điểm số 7 đến điểm số 8) có chiều dài là 23,5m.

Ông Đinh Văn L được quản lý, sử dụng 213m<sup>2</sup> đất HNK ở phía Bắc của thửa đất số 33, tờ bản đồ PL17 tại thôn Đoan Vỹ 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam, có tứ cận như sau: cạnh phía Đông giáp đất Ủy ban (từ điểm số 4 đến điểm số 7) có chiều dài là 9,36m, cạnh phía Tây giáp đất nông nghiệp (từ điểm số 1 đến điểm số 8) có chiều dài là 9,43m, cạnh phía Nam giáp đất ông L1 (từ điểm số 7 đến điểm số 8) có chiều dài là 23,5m, cạnh phía Bắc giáp hộ bà L2 (gồm 03 đoạn, từ điểm số 1 đến điểm số 4) có tổng chiều dài là 24,55m (có sơ đồ kèm theo và là một phần không thể tách rời của Bản án này).

Ông Đinh Văn L1 được sở hữu các tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4, 02 bể chứa nước sinh hoạt, 01 sân bê tông đá mặt, tường khối xây gạch chỉ, 01 giếng nước, 01 téc nước Tân Á.

Ông Đinh Văn L1 có trách nhiệm thanh toán trị giá chênh lệch kỹ phần bằng tiền cho ông Đinh Văn L là: 221.385.000 đồng (hai trăm hai mươi một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Ông Đinh Văn L1, ông Đinh Văn L, bà Đinh Thị L2 và ông Nguyễn Quốc Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

\* Ngày 29/6/2021, ông Đinh Văn L là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L v/v Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu:

- Chia tài sản thừa kế theo di chúc của bố mẹ ông để lại lập ngày 20/8/1998 cho các đồng thừa kế. Giải quyết vụ án theo đúng như hồ sơ ban đầu từ cấp xã.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Đinh Văn L xuất trình quyển sổ theo ông L đây là quyển sổ ghi chép khi cụ Lx còn sống, quyển sổ ghi chép nhiều nội dung khác nhau trong đó có tài liệu chứng cứ bản gốc do cụ Lx, cụ S lập ngày 20/8/1998 để Tòa án kiểm tra đối chiếu với bản phô tô tài liệu, sau đó ông L đã nhận lại ngay bản gốc vì sợ bị thất lạc. Ông xác định văn bản nêu trên là di chúc nên ông cho rằng cấp sơ thẩm chia thừa kế tài sản của cụ Lx, cụ S theo pháp luật là không đúng. Tuy nhiên, ông L thừa nhận văn bản này có chữ *“Thuận tình phân chia tài sản cố định cho con giai, gái”* được giải thích là đồng thuận chia tài sản cho các con, chữ *“thảo phân chia cho các con mọi sự tốt lành”* có nghĩa đây là thảo văn bản phân chia tài sản trong sổ ghi chép của các cụ Lx, quyển sổ này có nhiều nội dung khác nhau.

Về hàng thừa kế, di sản thừa kế, chia hiện vật, chia giá trị tài sản thừa kế theo pháp luật ông không có ý kiến gì. Mặc dù chia tài sản thừa kế theo pháp luật ông được lợi hơn so với chia thừa kế theo di chúc nhưng ông đề nghị phải chia theo di chúc.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Bà Phạm Thị NH có ý kiến như sau: Quyền sở ghi chép của cụ Lx, cụ S ông L xuất trình tại phiên tòa có văn bản gốc 20/8/1998 do cụ Lx, cụ S lập không có nội dung và hình thức của di chúc nên không được coi là di chúc; Văn bản không có xác nhận của chính quyền địa phương nên không có giá trị pháp lý; cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của cụ Lx, cụ S theo pháp luật là đúng quy định pháp luật, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông L yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đơn kháng cáo của ông Đinh Văn L trong thời hạn luật định, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm. Xét, kháng cáo ông L cho rằng văn bản do cụ Lx, cụ S ghi trong quyền sở ghi chép khi cụ Lx còn sống là di chúc. Tuy nhiên, văn bản ngày 20/8/1998 do cụ Lx, cụ S lập không có nội dung và hình thức của di chúc nên không được coi là di chúc. Căn cứ khoản 01 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông L đề nghị chia thừa kế tài sản của cụ Lx, cụ S theo di chúc; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L về việc chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đinh Văn L trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự là nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

2.1. *Xét kháng cáo của ông Đinh Văn L yêu cầu chia thừa kế theo di chúc, thấy:* Theo quy định tại Điều 624 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*”. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L xuất trình quyển sổ ghi chép của cụ Lx khi còn sống, trong đó có văn bản gốc của cụ Lx và cụ S lập ngày 20/8/1998 có nội dung như tài liệu đã nộp photô lưu hồ sơ vụ án để đối chiếu về nội dung và cho rằng văn bản này là di chúc. Xét, văn bản lập ngày 20/8/1998 có nội dung như sau “*thuận tình phân tài sản cố định cho con giai (trai) gái*” “*thảo phân chia cho các con mọi sự tốt lành... chia tài sản cho con giai, con gái*”, đây là văn bản cụ Lx,

cụ S dự thảo phân chia tài sản cho con trai, con gái nên về hình thức và nội dung văn bản không rõ ràng, không có xác nhận của chính quyền địa phương, chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chia tài sản, thực tế các cụ chưa chia đất trên thực địa cho các con ở vị trí nào, diện tích là bao nhiêu nên cũng không được coi là văn bản chia tài sản hoặc tặng cho quyền sử dụng đất. Văn bản nêu trên không có nội dung đề cập đến quyền thừa kế tài sản của cụ Lx, cụ S sau khi các cụ chết cho ai thừa kế tài sản như ý kiến của trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát. Ý kiến của ông L người kháng cáo cho rằng văn bản lập ngày 20/8/1998 là di chúc là không đúng, vì vậy các yêu cầu kháng cáo của bị đơn liên quan đến nội dung di chúc là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử Phúc thẩm kết luận: Cấp sơ thẩm không chấp nhận văn bản cụ Lx và cụ S lập ngày 20/8/1998 là di chúc là đúng pháp luật.

## *2.2. Về chia di sản thừa kế theo pháp luật của bản án sơ thẩm:*

- *Xác định giá trị di sản thừa kế:* thừa đất số 33, tờ bản đồ PL17 có diện tích 852m<sup>2</sup>, trị giá 811.620.000 đồng và các tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp 4, 02 bể chứa nước sinh hoạt, 01 sân bê tông đá mặt, tường khối xây gạch chỉ, 01 giếng nước, 01 təc nước Tân Á trị giá 125.041.000 đồng. Tổng giá trị di sản thừa kế mà cụ Lx và cụ Cụ S để lại là 936.661.000 đồng là đúng pháp luật.

- *Về hàng thừa kế theo pháp luật và phương thức phân chia di sản thừa kế:*

+ Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lx và cụ Cụ S gồm bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị L, ông Đinh Văn L1 và ông Đinh Văn L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Do đó, di sản cụ Lx và cụ Cụ S sẽ được chia thành 04 kỷ phần (936.661.000 đồng : 4 = 234.165.000 đồng), mỗi kỷ phần có giá trị 234.165.000 đồng.

Diện tích đất hiện trạng của thừa đất số 33, tờ bản đồ PL17 là 852m<sup>2</sup> được chia đều cho 04 người là ông Đinh Văn L1, bà Đinh Thị P, bà Đinh Thị L, ông Đinh Văn L, mỗi người được hưởng 213m<sup>2</sup> đất là phù hợp. Bà P, bà L có ý kiến đối với kỷ phần được chia thừa kế, đề nghị tặng cho ông L1 là tự nguyện, hợp pháp đúng pháp luật. Ông L1 là con trai trưởng trong gia đình cụ Lx được hưởng thừa kế nhà công trình vật kiến trúc có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông L là phù hợp với phong tục địa phương và quy định pháp luật.

Những vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử không xét. Nếu có tranh chấp ông L có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm kết luận: cấp sơ thẩm đã chia thừa kế theo quy định pháp luật tài sản thừa kế của cụ Lx và cụ S cho các đồng thừa kế và phân chia giá trị, phân chia hiện vật là phù hợp với Điều 649,



650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các đương sự không có ý kiến kháng cáo về việc chia thừa kế theo pháp luật nên Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Đinh Thị P, Bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn L1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đinh Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 11.708.000 đồng (mười một triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng) là đúng pháp luật.

[5] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông L không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên ông L là người cao tuổi và xin được miễn án phí dân sự phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hoàn trả ông L 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005016 ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn L yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đinh Văn Lx và cụ Phạm Thị S theo di chúc.

- Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L về việc chia tài sản thừa kế theo pháp luật.

Căn cứ các điều 457, 458, 459, 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660, 357, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 167, 168 và 169 của Luật Đất đai năm 2013; các điều 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị P về việc chia di sản thừa kế của cụ Lx và cụ Cụ S tại thửa đất số 33, tờ bản đồ PL17 diện tích 852m<sup>2</sup> tại thôn Doan Vỹ 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam theo pháp luật.

2. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần được nhận khi chia thừa kế là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về tài sản của bà Đinh Thị P và bà Đinh Thị L cho ông Đinh Văn L1.

3. Chia hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

- Chia cho ông Đinh Văn L1 được quản lý, sử dụng 639m<sup>2</sup> đất trị giá 798.840.000 đồng tại vị trí phía Nam của thửa đất số 33, tờ bản đồ PL17, có tứ cận như sau: cạnh phía Đông giáp đất Ủy ban (từ điểm số 7 đến điểm số 12) có chiều dài là 37,42m, cạnh phía Tây giáp đất nông nghiệp (từ điểm số 8 đến điểm số 9) có chiều dài là 22,61m, cạnh phía Nam giáp đường xóm (gồm 03 đoạn, từ điểm số 9 đến điểm số 12) có tổng chiều dài là 25,33m, cạnh phía Bắc giáp đất ông L (từ điểm số 7 đến điểm số 8) có chiều dài là 23,55m;

+ Ông Đinh Văn L1 được sở hữu toàn bộ các tài sản trên đất được chia gồm 01 ngôi nhà cấp 4, 02 bể chứa nước sinh hoạt, 01 sân bê tông đá mặt, tường khối xây gạch chỉ, 01 giếng nước, 01 təc nước Tân Á, trị giá 125.041.000 đồng và sở hữu toàn bộ cây, hoa màu trên đất.

- Chia ông Đinh Văn L được quản lý, sử dụng 213m<sup>2</sup> đất HNK trị giá 12.780.000 đồng ở vị trí phía Bắc của thửa đất số 33, tờ bản đồ PL17 tại thôn Đoan Vỹ 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam, có tứ cận như sau: cạnh phía Đông giáp đất Ủy ban (từ điểm số 4 đến điểm số 7) có chiều dài là 9,36m, cạnh phía Tây giáp đất nông nghiệp (từ điểm số 1 đến điểm số 8) có chiều dài là 9,43m, cạnh phía Nam giáp đất ông L1 (từ điểm số 7 đến điểm số 8) có chiều dài là 23,55m, cạnh phía Bắc giáp hộ bà L2 (gồm 03 đoạn, từ điểm số 1 đến điểm số 4) có tổng chiều dài là 24,55m và sở hữu toàn bộ cây, hoa màu trên đất.

(Vị trí, tứ cận thửa đất chia thừa kế quyền sử dụng đất cho ông L1 và ông L có sơ đồ kèm theo và là một phần không thể tách rời của Bản án này).

\* Thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản thừa kế:

- Buộc ông Đinh Văn L1 có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản thừa kế chênh lệch cho ông Đinh Văn L là: 221.385.000 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

+ Ông Đinh Văn L được sở hữu giá trị tài sản thừa kế do ông Đinh Văn L1 thanh toán là 221.385.000 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Ông Đinh Văn L1, ông Đinh Văn L, bà Đinh Thị L2 và ông Nguyễn Quốc Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều biến động đất đai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Án phí sơ thẩm: bà Đinh Thị P, Bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn L1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đinh Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 11.708.000 đồng (mười một triệu bảy trăm linh tám nghìn đồng).

5. Án phí phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông L. Trả lại ông Đinh Văn L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005016 ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Quốc Trưởng**